



Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất Quý III năm 2020 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế HAGL.

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm công ty”) (mã CK: HNG) giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất Quý III năm 2020 như sau:

ĐVT: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	BCTC Quý III/2020	BCTC Quý III/2019	Tăng trưởng/giảm
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế trên BCTC tổng hợp	15.802.985	(860.869.851)	102%
Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất	(352.903.409)	(989.863.405)	-64%

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp Quý III năm 2020: 15,8 tỷ đồng, tăng trưởng 102% so với Quý III năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do cùng kỳ năm 2019 Công ty ghi nhận lỗ từ việc thanh lý các công ty con.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất Quý III năm 2020: 352,9 tỷ đồng, giảm 64% so với khoản lỗ Quý III năm 2019. Nguyên nhân lỗ chủ yếu do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên thị trường đầu ra của các loại trái cây bị ảnh hưởng dẫn đến giá bán giảm sâu, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ. Trong khi cùng kỳ năm 2019, Nhóm Công ty có ghi nhận các chi phí liên quan đến chuyển đổi vườn cây nên gây lỗ nhiều hơn.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ

HOÀNG ANH GIA LAI



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THỊ MỸ HẠNH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Địa chỉ: Tầng 11, Số 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2222 285 – Fax: (+84) 0269 2222 218 – Email: hoanganhagrigo@hagl.com.vn



HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2020

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.629.670.551	5.400.395.101
110	I. Tiền		19.937.478	43.933.270
111	1. Tiền	4	19.937.478	43.933.270
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.480.266.170	5.258.057.445
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.146.584.301	927.025.562
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.667.768.898	1.961.222.599
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.466.766.649	543.718.680
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.213.094.080	1.841.538.878
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.947.758)	(15.448.274)
140	III. Hàng tồn kho		76.848.906	61.856.457
141	1. Hàng tồn kho	9	77.335.497	66.375.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(486.591)	(4.518.686)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		52.617.997	36.547.929
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		483.217	815.585
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	51.848.391	35.446.513
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	286.389	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.279.762.092	14.533.166.516
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.101.706.402	9.018.820.740
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	6.830.595.461	7.003.799.583
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	2.271.110.941	2.015.021.157
220	II. Tài sản cố định		53.661.803	51.751.813
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	47.993.261	51.751.813
222	Nguyên giá		62.524.680	61.670.300
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.531.419)	(9.918.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.668.542	-
228	Nguyên giá		5.980.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(311.458)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		20.989.085	18.547.792
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		20.989.085	18.547.792
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		7.004.797.278	5.438.496.853
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	7.302.113.537	5.701.201.820
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1	(585.915.505)	(551.304.213)
260	V. Tài sản dài hạn khác		98.607.524	5.549.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	98.607.524	5.549.318
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.909.432.643	19.933.561.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		11.698.056.469	7.745.411.311
310	I. Nợ ngắn hạn		4.914.731.025	4.961.672.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	933.148.643	529.091.273
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	58.343.168	478.164.530
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	454.225	189.963
314	4. Phải trả người lao động		9.393.347	6.980.761
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	367.975.610	302.706.313
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	341.471.828	209.575.929
320	7. Vay ngắn hạn	19	3.203.944.204	3.434.964.167
330	II. Nợ dài hạn		6.783.325.444	2.783.738.375
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	235.600.274	237.837.713
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	422.298.960	754.133.163
338	3. Vay dài hạn	19	6.125.426.210	1.791.767.499
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.211.376.174	12.188.150.306
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.211.376.174	12.188.150.306
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(44.289.776)	(67.515.644)
421a	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(67.515.644)	1.108.104.220
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này		23.225.868	(1.175.619.864)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.909.432.643	19.933.561.617

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2020

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		365.602.809	574.345.084	1.534.645.972	1.636.136.499
02	2. Các khoản giảm trừ		-	(9.324.700)	-	(9.324.700)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	365.602.809	565.020.384	1.534.645.972	1.626.811.799
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(341.222.001)	(537.186.840)	(1.416.020.328)	(1.540.706.812)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.380.808	27.833.544	118.625.644	86.104.987
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	214.209.822	178.105.242	568.777.862	530.429.626
22	7. Chi phí tài chính	23	(179.224.742)	(966.074.369)	(541.332.807)	(1.394.829.230)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(159.604.270)	(121.210.576)	(469.284.644)	(517.614.309)
25	8. Chi phí bán hàng		(33.032.423)	(79.697.956)	(92.126.061)	(191.903.828)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(10.511.643)	(20.987.341)	(30.679.867)	(66.223.488)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		15.821.822	(860.820.880)	23.264.771	(1.036.421.933)
31	11. Thu nhập khác	24	575.002	7.671	575.002	102.942.784
32	12. Chi phí khác	24	(593.839)	(56.642)	(613.905)	(3.122.231)
40	13. Lỗ khác	24	(18.837)	(48.971)	(38.903)	99.820.553



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		15.802.985	(860.869.851)	23.225.868	(936.601.380)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	(17.996)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		15.802.985	(860.869.851)	23.225.868	(936.619.376)

Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

Nguyễn Hoàng Phi
 Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2020

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		23.225.868	(936.601.380)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11,12	4.924.390	7.561.960
03	Các khoản dự phòng		29.078.681	57.650.650
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái		50.747.820	3.233.265
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(568.777.861)	316.028.636
06	Chi phí lãi vay	23	469.284.644	517.976.056
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.483.542	(34.150.813)
09	Tăng các khoản phải thu		(1.581.508.223)	(1.396.246.960)
10	Tăng hàng tồn kho		(10.960.354)	(52.190.054)
11	Tăng các khoản phải trả		2.447.499.220	1.764.661.523
12	Tăng chi phí trả trước		(92.725.838)	(1.485.912)
14	Tiền lãi vay đã trả		(182.573.931)	(493.602.042)
15	Thuế TNDN đã nộp		-	(17.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		588.214.416	(213.032.254)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(6.069.248)	(13.831.543)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	1.758.593
23	Tiền chi cho vay		(663.150.434)	(587.159.969)
24	Tiền thu hồi cho vay		527.288.356	378.196.523
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.600.911.717)	(2.134.242.917)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.018.710.220
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.056.142	13.615.660
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(1.696.786.901)	2.677.046.567

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.993.744.484	3.483.473.610
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.909.167.631)	(5.899.445.118)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.084.576.853	(2.415.971.508)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(23.995.632)	48.042.805
60	Tiền đầu kỳ	4	43.933.270	7.845.148
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(160)	(1.016)
70	Tiền cuối kỳ	4	19.937.478	55.886.937

Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
 Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2020

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười tám (18) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai có tỷ lệ sở hữu là 40,83% vào ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý III năm 2020 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	10 năm
Phần mềm vi tính	10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền gửi ngân hàng	19.883.999	43.783.099
Tiền mặt tại quỹ	53.479	150.171
TỔNG CỘNG	<u>19.937.478</u>	<u>43.933.270</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.146.584.301</u>	<u>927.025.562</u>

Phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 1.033.711.690 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (*Thuyết minh số 26*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	<u>2.667.768.898</u>	<u>1.961.222.599</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 2.637.590.046 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (<i>Thuyết minh số 26</i>).		

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	<u>1.466.766.649</u>	<u>543.718.680</u>
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	<u>6.830.595.461</u>	<u>7.003.799.583</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.297.362.110</u>	<u>7.547.518.263</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	2.188.274.410	1.712.100.805
Các khoản khác	<u>24.819.670</u>	<u>129.438.073</u>
	<u>2.213.094.080</u>	<u>1.841.538.878</u>
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	<u>2.271.110.941</u>	<u>2.015.021.157</u>
	<u>2.271.110.941</u>	<u>2.015.021.157</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.484.205.021</u>	<u>3.856.560.035</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Hàng hóa	49.517.866	59.229.053
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.036.733	4.102.195
Công cụ, dụng cụ	1.415.517	2.053.298
Nguyên vật liệu	1.365.381	990.597
TỔNG CỘNG	77.335.497	66.375.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(486.591)	(4.518.686)
GIÁ TRỊ THUẦN	76.848.906	61.856.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.195.750	27.062.148	6.483.189	2.929.213	61.670.300
Mua mới trong kỳ	-	677.014	137.865	39.501	854.380
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>25.195.750</u>	<u>27.739.162</u>	<u>6.621.054</u>	<u>2.968.714</u>	<u>62.524.680</u>
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(2.472.376)	(2.756.136)	(4.254.915)	(435.060)	(9.918.487)
Khấu hao trong kỳ	(1.634.110)	(2.059.032)	(518.649)	(401.141)	(4.612.932)
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>(4.106.486)</u>	<u>(4.815.168)</u>	<u>(4.773.564)</u>	<u>(836.201)</u>	<u>(14.531.419)</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>22.723.374</u>	<u>24.306.012</u>	<u>2.228.274</u>	<u>2.494.153</u>	<u>51.751.813</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>21.089.264</u>	<u>22.923.994</u>	<u>1.847.490</u>	<u>2.132.513</u>	<u>47.993.261</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Mua mới trong kỳ	5.980.000
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>5.980.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Hao mòn trong kỳ	(311.458)
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>(311.458)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	<u>5.668.542</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2020</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	7.302.113.537	(585.915.505)	5.701.201.820	(551.304.213)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>-</u>	<u>2.594.610</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.590.712.783</u>	<u>(585.915.505)</u>	<u>5.989.801.066</u>	<u>(551.304.213)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngày 30 tháng 9 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
			Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	100,00	1.081.159.132	-	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Trồng cây công nghiệp	99,90	882.881.000	-	99,90	882.881.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("Hoàng Anh Đắk Lắk") (i)	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,78	753.313.155	(85.056.902)	99,53	394.313.155	(80.077.766)
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(400.858.603)	99,00	615.584.549	(371.226.447)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	383.646.024	-	100,00	222.893.439	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			7.302.113.537	(585.915.505)		5.701.201.820	(551.304.213)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(i) *Mua thêm toàn bộ cổ phần được phát hành bởi Hoàng Anh Đắk Lắk*

Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 35.900.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Hoàng Anh Đắk Lắk, công ty con của Công ty với giá trị là 359.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0901/20/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 9 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Hoàng Anh Đắk Lắk từ 99,53% lên 99,78% tại ngày này.

(ii) *Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê (“Cao su Ban Mê”)*

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất nghiệp vụ mua 6.190.069 cổ phiếu, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong Cao su Ban Mê từ các cá nhân là chủ sở hữu Cao su Ban Mê với tổng giá trị chuyển nhượng là 444.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18/NQ-HĐQT-HADL.20 ngày 10 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Cao su Ban Mê đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày mua, Cao su Ban Mê sở hữu 683 hecta đất rừng sản xuất, có thời hạn thuê đến tháng 12 năm 2060. Vào ngày 13 tháng 02 năm 2020, Cao su Ban Mê đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Giao dịch này được đánh giá là giao dịch mua nhóm tài sản.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công cụ, dụng cụ	4.535.848	5.037.704
Chi phí trả trước dài hạn khác	94.071.676	511.614
TỔNG CỘNG	98.607.524	5.549.318

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	933.148.643	528.377.163
Phải trả khác	-	714.110
TỔNG CỘNG	933.148.643	529.091.273

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 848.034.482 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (Thuyết minh số 26).

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	58.343.168	478.164.530

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 32.130.183 ngàn VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2020 (Thuyết minh số 26).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	51.848.391	35.446.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	285.831	285.831
Thuế nhập khẩu nộp thừa	558	-
TỔNG CỘNG	52.134.780	35.732.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	454.225	189.963
TỔNG CỘNG	454.225	189.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	193.380.987	98.001.828
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan</i>	143.064.813	33.297.430
Các khoản khác	174.594.623	204.704.485
	367.975.610	302.706.313
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	235.600.274	237.837.713
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan</i>	27.253.475	4.633.010
	235.600.274	237.837.713
TỔNG CỘNG	603.575.884	540.544.026

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	297.498.641	202.761.985
Phải trả khác bên thứ ba	43.973.187	6.813.944
	341.471.828	209.575.929
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	422.298.960	754.133.163
	422.298.960	754.133.163
TỔNG CỘNG	763.770.788	963.709.092

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	1.494.746.236	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	1.071.712.512	599.732.981
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	-	10.559.104
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	637.485.456	2.824.672.082
	3.203.944.204	3.434.964.167
Vay dài hạn		
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	4.941.686.442	805.260.834
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	987.753.417	986.506.665
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 19.5)	195.986.351	-
	6.125.426.210	1.791.767.499
TỔNG CỘNG	9.329.370.414	5.226.731.666

19.1 Vay dài hạn các bên liên quan

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	2.185.877.212	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	2.001.191.819	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	1.918.905.884	805.260.834
Ông Nguyễn Ngọc Mai	220.730.000	-
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	98.042.763	-
Công ty Cổ phần Lê Me	11.685.000	-
TỔNG CỘNG	6.436.432.678	805.260.834
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn các bên liên quan	4.941.686.442	805.260.834
Vay dài hạn các bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm	1.494.746.236	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	599.760.520	599.732.981
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – CN Sở Giao dịch Đồng Nai	471.951.992	-
TỔNG CỘNG	1.071.712.512	599.732.981

19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	563.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	-	897.464.626
Bà Kiều Ngọc Hoa	39.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	35.485.456	1.877.207.456
TỔNG CỘNG	637.485.456	2.824.672.082

19.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	725.298.812	734.611.164
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	987.753.417	997.065.769
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	987.753.417	986.506.665
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm	-	10.559.104

19.5 Trái phiếu thường trong nước

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền Ngàn VND	Ngày đáo hạn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	Ngày 4 tháng 6 năm 2020	200.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021
Chi phí phát hành trái phiếu		(4.013.649)	
		195.986.351	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<i>Ngàn VND</i>				
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019					
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	-	105.576.190	(105.576.190)	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	2.217.100.000	-	-	-	2.217.100.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(936.619.376)	(936.619.376)
Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	(930.996)	(930.996)
Ngày 30 tháng 9 năm 2019	11.085.538.950	1.170.127.000	-	172.114.848	12.427.780.798
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020					
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(67.515.644)	12.188.150.306
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.225.868	23.225.868
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(44.289.776)	12.211.376.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp
	Số cổ phần	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	452.665.840	4.526.658.400	40,83	5.126.658.400
Cổ đông khác	655.888.055	6.558.880.550	59,17	5.958.880.550
TỔNG CỘNG	1.108.553.895	11.085.538.950	100,00	11.085.538.950

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2020 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895 1.108.553.895	1.108.553.895 1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895 1.108.553.895	1.108.553.895 1.108.553.895
Trong đó: Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	365.602.809	565.020.384	1.534.645.972	1.626.811.799
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	118.812.310	303.099.927	648.150.956	882.638.488
<i>Doanh thu bán vật tư nông nghiệp</i>	140.319.029	208.983.924	576.631.092	595.158.871
<i>Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ khác</i>	68.489.269	505.954	208.775.010	3.037.268
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	37.982.201	52.430.579	101.088.914	145.977.172

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	198.702.778	173.546.039	553.034.023	523.527.737
Chênh lệch tỷ giá	(195.985)	4.536.352	-	6.810.191
Cổ tức	15.686.735	-	15.686.735	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.294	22.851	57.104	91.698
TỔNG CỘNG	214.209.822	178.105.242	568.777.862	530.429.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	<i>Ngàn VND</i>			
Giá vốn trái cây	118.497.052	295.124.030	609.290.864	850.421.150
Giá vốn vật tư nông nghiệp	120.318.598	190.367.880	506.196.535	542.394.977
Giá vốn hàng hóa dịch vụ khác	66.118.665	664.282	203.145.045	4.062.405
Giá vốn mù cao su	36.287.686	51.030.648	97.387.884	143.828.280
TỔNG CỘNG	341.222.001	537.186.840	1.416.020.328	1.540.706.812

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	<i>Ngàn VND</i>			
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	836.673.439	-	836.673.439
Chi phí lãi vay	158.744.203	121.210.576	468.137.888	517.614.309
Dự phòng đầu tư	-	-	34.611.292	30.855.139
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.163.041	8.127.269	29.382.845	9.209.609
Chi phí phát hành trái phiếu	860.067	63.085	1.146.756	361.734
Chi phí khác	457.431	-	8.054.026	115.000
TỔNG CỘNG	179.224.742	966.074.369	541.332.807	1.394.829.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	575.002	7.671	575.002	102.942.784
Các khoản khác	575.002	7.671	575.002	102.942.784
Chi phí khác	593.839	56.642	613.905	3.122.231
Các khoản phạt	545.698	20.933	560.503	310.817
Các khoản khác	48.141	35.709	53.402	2.811.414
LỖ KHÁC	(18.837)	(48.971)	(38.903)	99.820.553



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>	<i>Ngàn VND Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	23.225.868	(936.601.380)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	93.275	2.090.251
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	63.634.964
Thu nhập cổ tức	(15.686.735)	-
Các khoản khác	50.881.302	(101.485.148)
Lợi nhuận (lỗ) chịu thuế ước tính	58.513.710	(972.361.313)
Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước	(58.513.710)	972.361.313
Trích bổ sung thuế TNDN cho kỳ trước	-	17.996
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-17.996
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 16)</i>	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Bên liên quan	Vay tiền	2.748.877.212
		Cần trừ công nợ	625.718.734
		Ứng trước mua hàng hóa	277.561.900
		Mua hàng hóa và dịch vụ	197.701.515
		Bán hàng hóa	140.643.853
		Chi phí lãi vay	49.896.018
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ công nợ	2.195.848.609
		Cho vay	966.420.997
		Lãi cho vay	61.239.645
		Cho mượn	16.047.362
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Bên liên quan	Vay tiền	1.391.618.877
		Trả gốc vay	1.175.438.452
		Chi phí lãi vay	106.281.112
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cần trừ công nợ	977.012.423
		Cho mượn	711.152.864
		Lãi vay	271.464.026
		Tặng gốc vay	154.101.500
		Bán hàng hóa	4.758.347
		Mua hàng hóa và dịch vụ	135.450
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cần trừ công nợ	971.116.381
		Mua hàng hóa	309.000.120
		Bán hàng hóa	118.930.349
		Lãi cho vay	21.514.397
		Chi hộ	5.609.814
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cần trừ công nợ	901.271.790
		Cho vay	241.743.118
		Cho mượn	115.521.221
		Lãi cho vay	9.437.884
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cần trừ công nợ	811.776.256
		Bán hàng hóa	106.151.385
		Mua hàng hóa	94.211.448
		Chi hộ	1.196.603
		Lãi cho vay	560.362
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trừ công nợ	635.901.857
		Lãi cho vay	68.591.899
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	629.666.493
		Tặng gốc vay	102.280.366
		Chi phí lãi vay	6.238.628
		Trả gốc vay	4.237.603
		Bán hàng hóa và gia công	590.019
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	534.384.767
		Bán hàng hóa	87.028.127
		Lãi cho vay	66.214.160
		Cho mượn	8.704.581
		Chi hộ	136.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	415.254.509
		Trả gốc cho vay	398.826.955
		Cần trừ công nợ	123.327.422
		Lãi cho vay	32.563.935
		Bán hàng hóa	12.903.766
		Mua hàng hóa	6.890.545
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	382.173.855
		Bán hàng hóa	325.258.323
		Lãi cho vay	267.359.798
		Mua hàng hóa	223.015.082
		Chi hộ	46.628.731
		Cho vay	6.619.438
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	371.106.169
		Cần trừ công nợ	292.867.391
		Mua hàng hóa	27.173.509
		Lãi cho vay	24.590.894
		Bán hàng hóa	10.156.499
		Chi hộ	1.163.368
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Trả gốc vay	128.461.401
		Cần trừ công nợ	39.360.138
		Mua hàng hóa	29.483.032
		Bán hàng hóa	10.930.047
		Lãi cho vay	961.054
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc Tế Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	102.453.702
		Bán hàng hóa	76.791
Bà Kiều Ngọc Hoa	Bên liên quan	Trả gốc vay	100.000.000
		Vay	89.000.000
		Trả lãi vay	2.342.411
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Bên liên quan	Lãi vay	2.106.027
		Cần trừ công nợ	93.418.318
		Cho mượn	10.400.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	112.086
		Cần trừ công nợ và dịch vụ	44.937.880
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	89.653.227
		Cần trừ công nợ	55.695.526
Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.651.272
		Cần trừ công nợ	35.753.476
		Chi hộ	834.305
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	236.000
		Mua hàng hóa, tài sản và dịch vụ	25.645.743
		Bán hàng hóa	4.185.597
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	4.058.877
		Cho vay	11.685.000
		Lãi cho vay	2.154.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Bên liên quan	Cần trừ công nợ Bán hàng hóa	10.090.287 236.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.807.295
Chi nhánh Nguyên Vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cần trừ công nợ	3.715.790
Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa	2.890.841
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Bên liên quan	Cần trừ công nợ Bán hàng hóa	1.336.236 236.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ Cần trừ công nợ	1.201.932 50.708
Công ty TNHH MTV CRD	Công ty con	Cần trừ công nợ Chi hộ	1.018.488 62.643
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ Bán hàng hóa Chi hộ	1.317.639 192.100 40.150

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)

Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	580.065.344
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Bên liên quan	Bán hàng hóa	281.484.380
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	87.138.160
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	31.468.193
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	26.683.268
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Bán hàng hóa	9.218.297
Công ty TNHH MTV Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	8.448.823
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	3.341.530
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.514.840
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.617.921
Các công ty khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.215.391
Các công ty khác	Công ty con	Bán hàng hóa	515.543

TỔNG CỘNG

1.033.711.690



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Mua hàng hóa	788.340.187
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	617.444.936
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	558.301.449
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	446.252.878
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	190.604.905
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	18.039.199
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas			7.763.535
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	5.434.295
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Bên liên quan	Mua hàng hóa	5.408.662
TỔNG CỘNG			<u>2.637.590.046</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	601.854.689
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	278.029.463
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho vay	245.728.118
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	234.617.379
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	57.254.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	49.283.000
TỔNG CỘNG			<u>1.466.766.649</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.381.806.981
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	1.052.934.408
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)</i>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	415.254.509
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho vay	384.815.315
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cho vay	47.710.301
TỔNG CỘNG			<u>6.830.595.461</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.033.060.697
		Chi hộ	200.085.586
		Lãi cho vay	94.322.339
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ công nợ	655.746.593
		Lãi cho vay	13.961.248
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cần trừ công nợ	141.704.070
		Lãi cho vay	6.393.583
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	40.960.383
Công ty TNHH MTV CRD	Công ty con	Chi hộ	1.226.797
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi hộ	813.114
TỔNG CỘNG			<u>2.188.274.410</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.127.121.693
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	475.941.149
		Cần trừ công nợ	459.121.702
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trừ công nợ	129.139.215
		Lãi cho vay	7.107.190
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Cần trừ công nợ	48.457.216
		Lãi cho vay	9.162.175
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cần trừ công nợ	15.060.601
TỔNG CỘNG			<u>2.271.110.941</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	327.546.005
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa	279.257.719
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa	96.411.385
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	64.779.346
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	26.283.625
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	14.500.004
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	12.838.370
Chi nhánh Nguyên Vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	10.759.620
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa	10.202.681
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.994.000
Chi nhánh Khách Sạn Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.236.983
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.087.667
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	755.993
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	381.084
TỔNG CỘNG			848.034.482
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	32.130.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý III năm 2020

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 như sau (tiếp theo):



			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trả công nợ	224.087.531
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Bên liên quan	Khác	70.387.064
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cần trả công nợ	3.024.046
TỔNG CỘNG			297.498.641

Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)

Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trả công nợ	276.611.699
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cần trả công nợ	90.012.570
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Cần trả công nợ	55.674.691
TỔNG CỘNG			422.298.960

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

 Trương Thị Trúc Thiên Trang Người lập	 Nguyễn Hoàng Phi Kế toán trưởng	 Võ Thị Mỹ Hạnh Tổng Giám đốc
---	---	--



Ngày 30 tháng 10 năm 2020